

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 66/2020/HS-ST
Ngày: 09-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Quân

2. Bà Lưu Thị Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 62/2020/TLST- HS ngày 27 tháng 5 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Duy K; Tên gọi khác: Tí; sinh ngày 08 tháng 9 năm 2002; Nơi sinh: tỉnh N; Giới tính: nam; Nơi cư trú: Tổ 21 ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh N; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Cha Trần Thanh T, sinh năm: 1983, mẹ Trần Thị Cẩm V, sinh năm: 1982; Vợ, con: chưa có; Tiền án: Không có; Tiền sự: Không có; Bị cáo Trần Duy K đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2020 tới nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Chị Trần Thị Cẩm V, sinh năm: 1982 và anh Trần Thanh T, sinh năm: 1983 (là cha mẹ của bị cáo); Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh N. Có mặt.

Bị hại: Chị Lưu Thị Mộng A, sinh năm 1983, Địa chỉ: tổ 4, ấp Đ, xã B, thành phố H, tỉnh N. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Võ Thị Tú Quyên – Là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 01/02/2020, Cao Thị Anh Th, sinh ngày 26/01/2006, ngụ tại khu phố X, Phường Y, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh rủ Trần Duy K về nhà mẹ ruột của Th là nhà của chị Lưu Thị Mộng A, tại tổ 4, ấp Đ, xã B, thành phố Tây Ninh lấy trộm xe mô tô bán để lấy tiền tiêu xài và được K đồng ý. K điều khiển xe mô tô hiệu WAVE, biển số 70B1-758.48 của gia đình chở Th về nhà chị A. Đến nơi, thấy cửa cổng nhà chị A đóng nhưng không khóa, không có người ở nhà, Th mở cửa đi vào bên trong, K đi theo. Th vào phòng ngủ của chị A tìm chìa khóa xe, K ở bên ngoài đợi. Sau khi tìm được chìa khóa, Th ra phía sau mở cửa nhà kho, cắm chìa khóa lên xe mô tô hiệu PIAGGIO VESPA màu trắng, biển số 70B1-415-91 của chị A rồi kêu K xuống đẩy xe ra, chạy đi trước còn Th điều khiển xe mô tô hiệu WAVE, biển số 70B1-758.48 của K theo sau và hẹn gặp nhau tại ngã 4 Bình Minh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Đến điểm hẹn, cả hai tiếp tục điều khiển xe đi đến khu vực gần bến xe Tây Ninh và đem xe mô tô hiệu WAVE, biển số 70B1-758.48 của K thế chấp với số tiền 1.000.000 đồng, sau đó cả hai cùng mang chiếc xe mô tô hiệu PIAGGIO VESPA màu trắng, biển số 70B1-415-91 của chị A sang Campuchia bán với số tiền 7.000.000 đồng. Sau khi bán được xe, K và Th đón xe khách về Tây Ninh, chuộc lại xe mô tô hiệu WAVE và mua 01 điện thoại di động hiệu IPHONE màu trắng vàng, 01 điện thoại di động hiệu REDMI 5A màu trắng hồng hết 4.200.000 đồng, số tiền còn lại K và Th tiêu xài cá nhân hết. Ngày 01/02/2020, chị A phát hiện mất trộm xe nên đến Công an xã B, thành phố Tây Ninh trình báo

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tây Ninh, bị cáo Trần Duy K đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

- Kết luận định giá tài sản số 07/KLĐG-TTHS ngày 05/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh kết luận: 01 mô tô hai bánh hiệu PIAGGIO VESPA màu trắng, biển số 70B-415-91 đã qua sử dụng trị giá 30.000.000 đồng.

- Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu IPHONE màu trắng vàng, số IMEI 352022071376550 và 01 điện thoại di động hiệu REDMI 5A màu trắng hồng, số IMEI 99001214682133 đã được chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Lê Thị Mộng A yêu cầu bồi thường số tiền 30.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 72/CT-VKS.TPTN ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Trần Duy K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội đối với bị cáo như sau: Kiểm sát viên phân tích tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 91, 101 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Trần Duy K phạm tội “Trộm cắp tài sản”, đề nghị xử phạt bị cáo K từ 06 tháng đến 09 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu IPHONE màu trắng vàng, số IMEI 352022071376550 và 01 điện thoại di động hiệu REDMI 5A màu trắng hồng, số IMEI 99001214682133 đã được chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo và chị Trần Thị Cẩm V, anh Trần Thanh T bồi thường cho chị Lưu Thị Mộng A số tiền 12.000.000 đồng.

- Người bào chữa cho bị cáo tranh luận như sau: Bản cáo trạng và Bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi của bị cáo gây ra. Về tình tiết giảm nhẹ, Bản cáo trạng và Bản luận tội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là phù hợp. Ngày 09/7/2020, mẹ bị cáo đã nộp số tiền khắc phục hậu quả cho bị cáo là 3.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo là người chưa thành niên phạm tội, nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, là người chưa thành niên phạm tội nên đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng từ 06 tháng đến 09 tháng là nặng so với hành vi bị cáo thực hiện nên đề nghị cho bị cáo mức hình phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Đại diện viện kiểm sát tranh luận với người bào chữa như sau: Về việc người bào chữa đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, do số tiền cha mẹ bị cáo nộp để bồi thường cho bị hại quá ít nên không đủ điều kiện được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm này. Đối với việc người bào chữa đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Đại diện Viện kiểm sát cho rằng áp dụng hay không là thẩm quyền của hội đồng xét xử. Về việc người bào chữa đề nghị cho bị

cáo được áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự và cho bị cáo hưởng mức hình phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ Đại diện Viện kiểm sát không thấy do bị cáo có nhân thân xấu, trong quá trình điều tra, truy tố khi đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo đã bỏ trốn nên mức hình phạt cải tạo không giam giữ mà người bào chữa đề nghị áp dụng cho bị cáo không có tác dụng giáo dục răn đe đối với bị cáo và vì mục đích phòng ngừa chung vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

- Bị hại – chị Lưu Thị Mộng A tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt đối với bị cáo theo quy định pháp luật. Về bồi thường thiệt hại chị A yêu cầu bị cáo và cha mẹ bị cáo bồi thường cho chị A số tiền 12.000.000 đồng.

- Chị V, anh T – là cha mẹ của bị cáo và bị cáo đồng ý bồi thường cho chị A số tiền 12.000.000 đồng.

- Bị cáo Trần Duy K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên. Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi bị hại về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của bị cáo, những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tây Ninh; Điều tra viên; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện:

Khoảng 14 giờ ngày 01/02/2020, Cao Thị Anh Th bàn bạc với bị cáo Trần Duy K về nhà mẹ ruột của Th là chị Lưu Thị Mộng A, tại tổ 4, ấp Đ, xã B, thành phố Tây Ninh để lấy trộm xe. Lợi dụng cửa công nhà chị A không khóa, nhà không có người, Th và bị cáo K đã vào nhà lấy trộm 01 xe mô tô hiệu PIAGGIO VESPA màu trắng, biển số 70B1-415-91 do chị A đứng tên sở hữu. Chiếc xe lấy trộm được cả hai đem sang Campuchia bán với số tiền 7.000.000 đồng. Tiền bán xe, bị cáo K và Th dùng để chuộc xe của gia đình mà bị cáo đem cầm trước đó hết 1.000.000 đồng, mua 01 điện thoại di động hiệu IPHONE màu trắng vàng, 01 điện thoại di động hiệu REDMI 5A màu trắng hồng hết 4.200.000 đồng, số tiền còn

lại bị cáo K và Th tiêu xài cá nhân hết. Chiếc xe bị cáo và Th lấy trộm không thu hồi được, trị giá chiếc xe theo Hội đồng định giá có giá là 30.000.000 đồng.

Đối với Th, sinh ngày 26/01/2006, tại thời điểm thực hiện hành vi lấy trộm chiếc xe chưa đủ 14 tuổi nên chưa đến tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự, do đó, Công an thành phố Tây Ninh đã quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo.

Bị cáo K sinh ngày 08/9/2002, tới ngày thực hiện hành vi lấy chiếc xe chưa đủ 18 tuổi nhưng đã đến tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo và cháu Th lợi dụng trong lúc tài sản của chị A không được chủ sở hữu trông coi đã lén lút lấy tài sản đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

Bị cáo ý thức rõ hành vi lấy trộm chiếc xe là xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác và vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo là thanh niên, có sức khỏe nhưng lười lao động, vì muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài đã thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phạm tội với lỗi cố ý.

Bản cáo trạng số 72/CT-VKS.TPTN ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh và bản luận tội của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Duy K phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo không có tiền án, ngày 29/6/2017 bị cáo đã bị xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo do có hành vi trộm cắp tài sản đã thực hiện xong. Bị cáo chưa có tiền án vì vậy lần phạm tội này được xem là phạm tội lần đầu. Hành vi phạm tội của bị cáo có mức hình phạt cao nhất của khung hình phạt là 03 năm tù nên thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật hình sự vì vậy lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo về việc cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ nên chấp nhận. Bản cáo trạng và Bản luận tội của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, người bào chữa đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng thành khẩn khai báo là không khai gian dối một điều gì có liên quan đến hành vi phạm tội. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ này.

Đối với lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo cho rằng cha mẹ bị cáo đã nộp số tiền bồi thường cho bị hại là 3.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả” theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và do bị cáo là người chưa thành niên, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu nên đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Số tiền cha mẹ bị cáo nộp bồi thường tài sản cho bị hại chưa được $\frac{3}{4}$ số tiền bị hại yêu cầu nên chưa đủ điều kiện cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người chưa thành niên, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu Hội đồng xét xử đã xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên không có căn cứ áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự theo lời đề nghị của người bào chữa. Do bị cáo có nhân thân xấu nên Hội đồng xét xử không áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo; do đó, lời đề nghị của người bào chữa không có căn cứ chấp nhận.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo là người dưới 18 tuổi nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 94, 101 của Bộ luật Hình sự khi xem xét, quyết định mức hình phạt cho bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo không phải là người chủ mưu mà chỉ là đồng phạm, người lên kế hoạch, người trực tiếp vào phòng ngủ của chị A để tìm và lấy chìa khóa xe, mở cửa kho để lấy xe là Th nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ căn nhắc để có mức hình phạt tương xứng với hành vi, vai trò của bị cáo trong vụ án. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ, Hội đồng xét xử thấy bị cáo đã từng bị xử lý hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, trong giai đoạn điều tra, truy tố bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng bị cáo lại bỏ trốn do đó việc cho bị cáo hưởng mức hình phạt cải tạo không giam giữ không đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và vì mục đích phòng ngừa chung vì vậy ví đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù là phù hợp, có căn cứ chấp nhận, không chấp nhận lời đề nghị của người bào chữa.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, do bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội nên theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Chiếc xe mà bị cáo K và cháu Th lấy trộm của chị Lưu Thị Mộng A không thu hồi được, trị giá chiếc xe là 30.000.000 đồng. Tiền bán chiếc xe cả bị cáo K và cháu Th cùng nhau tiêu xài, cháu Th tuy không phải chịu trách nhiệm hình sự

nhưng thiệt hại do cháu và bị cáo K cùng gây ra nên cả hai cùng phải chịu trách nhiệm. Do cháu Th chưa đủ 14 tuổi nên mẹ của cháu là chị Lưu Thị Mộng A phải chịu hoàn toàn trách nhiệm bồi thường những thiệt hại mà cháu gây ra theo khoản 2 Điều 586 của Bộ luật Dân sự 2015. Chị A là chủ sở hữu chiếc xe mà bị cáo và cháu Th đã lấy trộm đồng thời cũng là người có trách nhiệm bồi thường thay cho cháu Th chỉ yêu cầu bị cáo K và cha mẹ bị cáo bồi thường phần của bị cáo K là 12.000.000 đồng; bị cáo, anh T, chị V đồng ý bồi thường cho chị A số tiền 12.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Buộc bị cáo, chị V, anh T phải bồi thường cho chị A số tiền 12.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 586 của Bộ luật Dân sự 2015. Ghi nhận anh T, chị V đã nộp số tiền bồi thường cho chị A 3.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

[6] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng thu giữ bao gồm 01 điện thoại di động hiệu IPHONE màu trắng vàng và 01 điện thoại di động hiệu REDMI 5A màu trắng hồng do mẹ bị cáo K là chị V giao nộp. Cả hai chiếc điện thoại này được mua từ số tiền bị cáo và Th bán chiếc xe trộm cắp của chị A do đó tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định tại Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; án phí dân sự sơ thẩm bị cáo và ông Tơ, bà Vân phải chịu theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101, Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015;

Tuyên bố bị cáo Trần Duy K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Duy K 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/5/2020.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu IPHONE màu trắng vàng, số IMEI 352022071376550 và 01 điện thoại di động hiệu REDMI 5A màu trắng hồng, số IMEI 99001214682133.

3. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 586 của Bộ luật Dân sự 2015

Buộc bị cáo Trần Duy Kh phải bồi thường cho chị Lưu Thị Mộng A số tiền 12.000.000 đồng nếu bị cáo Trần Duy K không đủ tài sản để bồi thường thì anh Trần Thanh T và chị Trần Thị Cẩm V phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình. Ghi nhận anh T, chị V đã nộp số tiền bồi thường cho chị A 3.000.000

đồng theo Biên lai thu số 0000970 ngày 09/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

4. Án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Duy K phải chịu 200.000đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Duy K, anh Trần Thanh T và chị Trần Thị Cẩm V phải chịu 450.000đồng.

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ đối với trường hợp vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- P.KTNV&THA-TAND tỉnh TN;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Tây Ninh;
- Đội ĐTTP về TTATXH;
- Đội PV 27;
- THAHS;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thanh Hoa

